GÓP Ý BẢN DỊCH "THIỀN UYỂN TẬP ANH" của ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga (Tiếp theo)

Song Hào Lý Việt Dũng*

Sách *Thiền uyển tập anh* (Anh tú vườn thiền) do ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, được nhà xuất bản Văn học hợp tác với Phân viện Nghiên cứu Phật học Hà Nội xuất bản năm 1990. Công sức, trí tuệ của hai dịch giả thật đáng trân trọng, chỉ có điều đáng tiếc là bản dịch này mắc khá nhiều sai sót mà qua các lần tái bản vẫn chưa được hai dịch giả chỉnh sửa hết.

Trên tinh thần cùng nhau góp sức để có được một bản dịch khả dĩ mang lại cho bạn đọc cái nhìn tương đối chính xác về các thiền sư Việt Nam thời xa xưa, chúng tôi mạnh dạn góp ý cùng hai dịch giả Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga qua bài viết này. Mong ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga nguyên lượng cho việc chẳng đặng đừng. Cách làm của chúng tôi là nhặt ra các sai sót và góp ý chỉnh sửa, từ đầu đến cuối sách *Thiền uyển tập anh* do Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, bản in của Nxb Văn học, năm 1990 (trong bài viết tắt là Bản NĐT). Phần đối chiếu nguyên văn, chúng tôi căn cứ vào bản khắc in *Thiền uyển tập anh* niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) và bản khắc in *Đại Nam Thiền uyển truyền đăng tập lục* niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1859) của hòa thượng Phúc Điền Bồ Sơn.

Trang 170
(Tiểu truyện thiền sư Pháp Hiền)

Nguyên văn:

"Cao Tổ cửu hưởng thử phương khâm sùng Phật giáo, thả phục cao sư đức dự, khiển sứ tê **Phật xá-lợi ngũ hàm phụ điệp**, **sắc sư kiến tháp cúng dường**".

Bản NĐT dịch: *"Tùy Cao Tổ từ lâu đã nghe tiếng người nước Nam này sùng chuộng đạo Phật, đã có các bậc cao tăng đức vọng, bèn sai sứ đem xá-lợi Phật và **năm hòm sắc điệp** sang ban cho sư để xây tháp cúng dường".*

Dịch như vậy là có sự nhầm lẫn về số lượng giữa các hộp đựng xá-lợi Phật và tờ độ điệp. Theo tinh thần nguyên văn thì đoạn văn này có nghĩa là: *"... (Tùy Cao Tổ) bèn sai sứ đem **năm hộp đựng xá-lợi Phật kèm theo tờ độ điệp, ban sắc chỉ** cho sư xây tháp cúng dường"*. Về ngữ nghĩa thì chữ **phụ** (附) có nghĩa **kèm theo**, tức sứ Tùy mang sang **năm hộp đựng xá-lợi Phật kèm theo tờ độ điệp.** Về sự lý thì vua Cao Tổ nhà Tùy chỉ cần ban cho sư **một tờ độ điệp** mà thôi, chứ làm gì phải **năm hòm**, nhưng **xá-lợi Phật thì** chắc chắn là **năm hòm**, vì sau ở cuối tiểu truyện thiền sư Pháp Hiền này, tác giả cho

* Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Xem từ số 8 (125) và số 9 (126) năm 2015.

biết sư đã đem **năm hòm xá-lợi chia cho năm chùa** là chùa Pháp Vân ở Luy Lâu và bốn chùa danh tiếng khác ở **bốn châu** là **Phong châu, Hoan châu**, **Trường châu**, **Ái châu** tức Vĩnh Phúc, Nghệ Tĩnh, Ninh Bình (cũ) và Thanh Hóa bây giờ. Còn chữ **sắc** (敕) tức sắc chỉ, vì thuở đó nước ta bị nước Tàu đô hộ, cho nên Tùy Cao Tổ coi dân ta như thần dân của họ nên mới ban sắc chỉ để sai khiến làm việc này, việc nọ.

Trang 170
(Tiểu truyện thiền sư Thanh Biện)

Nguyên văn:

"Nghiêm vân: 'Kinh trung ngôn: '**Nhược ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, thị nhân bất năng giải ngã sở thuyết giáo'.** Nhữ thiện tư duy 'Nhược ngôn thử kinh bất thị Phật thuyết, tắc vi báng kinh. Nhược ngôn thị Phật thuyết, tức vi báng Phật. Nhữ tác ma sanh? **Tốc đạo**! **Tốc đạo**! (速道, 速道)'. Sư nghĩ khai khẩu, Nghiêm dĩ phất tử mạch khẩu đả".

Bản NĐT dịch: *"Huệ Nghiêm nói: 'Nếu nói Như Lai có thuyết pháp điều gì thì tức là phỉ báng Phật.* ***Câu ấy người ta không giải được. Cái nghĩa ta vừa nói,*** *ngươi thử nghĩ xem, nếu nói kinh ấy không phải là lời thuyết pháp của Phật thì thế là phỉ báng kinh, nếu lại nói đúng là những lời thuyết pháp của Phật thì lại là phỉ báng Phật.* ***Sao ngươi lại cứ đòi ta phải trả lời ngay?****'. Sư nghĩ ngợi* ***còn định hỏi thêm****, Huệ Nghiêm bèn cầm phất trần đánh vào miệng".*

Đây là đoạn văn mà Bản NĐT dịch nhầm lẫn nặng nề nhất trong toàn bộ quyển *TUTA*, có lẽ do người dịch chưa đọc kỹ kinh Kim cang, vì cụm từ **kinh trung ngôn** (經中言) trong nguyên văn, tức ***"trong kinh có nói"*** chính là chỉ **kinh Kim cang**. Sở dĩ chúng tôi dám nói như vậy vì câu ***"Nhược ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, thị nhân bất năng giải ngã sở thuyết giáo"*** là **trọn một câu nói** mà đức Phật thuyết giảng cho ngài Tu Bồ Đề, nằm ở phẩm 21 "**Phi thuyết sở thuyết**" trong kinh Kim cang. Xin trích nguyên văn liên quan đầy đủ: *"Tu Bồ Đề! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm, ngã đương hữu sở thuyết pháp, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố?* ***Nhược ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu Bồ Đề****…".*

Vì nếu đọc kỹ nguyên văn câu trên trong kinh Kim cang, thì người dịch đã không dịch tách câu ấy ra làm ba đoạn riêng rẽ là:

Đoạn 1: Lời Như Lai nói: *"Nếu nói Như Lai có thuyết pháp điều gì thì tức là phỉ báng Phật".*

Đoạn 2: Lời nhận định của sư Huệ Nghiêm về câu nói trên: *"Câu ấy người ta không giải được".*

Đoạn 3: Lời sư Huệ Nghiêm nói với đệ tử là Thanh Biện: *"****Cái nghĩa ta vừa nói****, ngươi thử nghĩ xem…".*

Dịch sai như vậy thật là đáng tiếc! Vì nghĩa của câu kinh trên chỉ giản dị là: *"****Nếu ai bảo Như Lai có thuyết pháp gì, tức là hủy báng Phật, vì người ấy không hiểu lời dạy của Ta****".*

Thật ra đoạn văn trên tác giả *TUTA* đã sao chép lại gần như y nguyên văn đoạn vấn đáp giữa một vị đại đức và thiền sư Đại Châu Huệ Hải chép ở quyển 6 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-247 thượng): "Tăng kháng thanh viết: 'Thiền sư tương lộng, khởi bất tri thị Phật thuyết da?', sư viết: 'Nhược ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp, tắc vi báng Phật. Thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa!'. Nhược ngôn thử kinh bất trị Phật thuyết, tắc thị báng kinh". Nghĩa là: Vị tăng lớn tiếng nói: *"Thiền sư giỡn chơi thôi, há (kinh Kim cang) không phải do Phật nói sao?"*, thiền sư Huệ Hải đáp: *"(trong kinh Kim cang có nói) Nếu bảo Như Lai có nói pháp gì là phỉ báng Phật, người đó không hiểu nghĩa thuyết pháp của Ta". (Ông thử nghĩ coi) Nếu bảo kinh (Kim cang) này không phải do Phật nói thì là phỉ báng kinh"*.

Công tâm mà nói, đoạn trên tác giả sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* trình bày thoát quá nên hơi khó hiểu dễ gây ngộ nhận. Khi sao chép lại, tác giả *TUTA* đã thêm thắt sắp xếp lại các chi tiết làm cho đoạn văn sáng nghĩa hơn, dễ hiểu hơn.

Còn **Nhữ tác ma sanh**? **Tốc đạo**! **Tốc đạo**! (汝作麼生? 速道, 速道) là lời thiền sư Huệ Nghiêm nói với đồ đệ Thanh Biện: *"Ông nghĩ thế nào đây (hoặc "Theo ông thì nên nghĩ sao đây?")? **Nói mau**! **Nói mau**!"* thì Bản NĐT lại dịch ngược hẳn thành: *"**Sao ngươi lại đòi ta phải trả lời ngay?**"*. Riêng đoạn *"Sư nghĩ khai khẩu"* vốn có nghĩa là *"Sư suy nghĩ định mở miệng **trả lời câu hỏi của thầy**"* thì Bản NĐT lại cũng dịch nhầm ngược ý tác giả là *"Sư nghĩ ngợi **còn định hỏi thêm**..."*.

Tóm lại, toàn đoạn văn trên xin đề nghị nên dịch là: *Thiền sư Huệ Nghiêm nói: "Trong kinh Kim cang có nói 'Nếu ai bảo Như Lai có thuyết pháp gì, tức là hủy báng Phật, vì người ấy không hiểu lời dạy của Ta'. (Này Thanh Biện), ông thử nghĩ xem! Nếu bảo kinh (Kim Cang) ấy không phải do Phật nói thì là hủy báng kinh, còn nếu bảo do Phật nói thì là hủy báng Phật. Theo ông thì phải nói sao đây? Nói mau! Nói mau!". Sư ngần ngừ suy nghĩ định mở miệng trả lời thì bị Huệ Nghiêm lấy phất trần quất vô miệng*.

"Nói mau! Nói mau! (Tốc đạo! Tốc đạo! 速道, 速道)" là cách cơ phong chớp nhoáng mà các thiền sư thường dùng để trắc nghiệm xem đối phương có lập tức khế hội hay rơi vào phân vân tri giải. Cơ phong này thường thấy rất nhiều trong trước tác tùng lâm như quyển 4 sách *Ngũ đăng hội nguyên* ghi: Hòa Thượng Bí Ma Nham trên núi Ngũ Đài thường cầm một cây chĩa gỗ, mỗi lần có tăng nhân đến tham vấn, ngài thường dùng chĩa nạng lấy cổ và hỏi (dịch): *'Ma quỷ nào khiến ông xuất gia, ma mị nào khiến ông đi hành cước tham học? Nói được cũng chết dưới cây chĩa, nói không được cũng chết dưới cây chĩa. **Nói mau**! **Nói mau**!'*. Các học đồ ít ai trả lời nỗi câu hỏi này".

Trang 174
(Tiểu truyện thiền sư Định Không)

Nguyên văn:

"Kỳ vi nhân thâm minh thế số, **động hữu quỹ tắc, hương nhân tôn sự, hàm dĩ trưởng lão danh diên**. Vãng tuế ư Tuyền Nam Dương **hội hạ** (會下) văn thuyết lĩnh chỉ, do thị quy tâm Thích giáo".

Bản NĐT dịch: *"Ông là người am hiểu sâu sắc vận số thế cuộc, **khi xảy ra việc gì người trong hương thường suy tôn phục tùng**, ai nấy đều tôn gọi ông là Trưởng Lão. Khi đã nhiều tuổi, **nhân đi dự hội ở chùa Long Tuyền, nghe thiền sư Nam Dương giảng kinh**, ông lĩnh ngộ tôn chỉ, từ đó quy tâm theo đạo Thích"*.

Dịch như vậy là phạm sai lầm nặng hai điểm.

Thứ nhất: *"Đi đứng theo nề nếp gọi là **quỹ*** (軌), *làm hợp khuôn phép gọi là **tắc*** (則)*"*. Vậy *"**động hữu quỹ tắc, hương nhân tôn sự, hàm dĩ trưởng lão danh diên**"* có nghĩa là: *"(Sư) **luôn hành động theo đúng khuôn phép nề nếp** nên được người trong làng tôn kính phụng sự, đều gọi là trưởng lão"*. Vì không để ý bốn chữ **động hữu quỹ tắc** (動有軌則) nên dịch giả mới dịch là *"**khi xảy ra việc gì**"*.

Thứ đến **hội hạ** (會下) là một thuật ngữ Thiền, chỉ pháp hội, **nơi tập thể người học thiền cùng sinh hoạt học tập, nghe thuyết giảng đạo pháp,** tức là **đạo tràng** vậy. Từ này còn gọi là **hội thượng** (會上), **hội trung** (會中), **thiền hội** (禪會). Từ này hòa thượng Thanh Từ dịch rất tốt là *"**trong hội**"*, thí dụ **Hoàng Bá hội hạ** (黃檗會下) ngài dịch là *"**trong hội của** ngài Hoàng Bá"*. Từ này được các trước tác tùng lâm dùng rất thường như:

- Tam tổ Tăng Xán đại tập học nhân mọi phẩm trật để thuyết pháp. **Trong hội** của Tổ (tức tại **đạo tràng** của tổ) có một sa-di tuổi vừa 14... (Đại tập quần phẩm, phổ vũ chính pháp. **Hội trung** hữu nhất sa-di, niên thỉ thập tứ - *Tổ Đường tập*, quyển 3).

- Có hai vị thiền khách đến tại **đạo tràng** của thiền sư Thạch Sương bảo: *"Nơi này chả có ai hiểu thiền pháp cả!"* (Thạch Sương **hội hạ**, hữu nhị thiền khách đáo vân: "Thử gian vô nhất nhân hội thiền!" - *Linh Hựu ngữ lục*).

- (Trí Thông) sơ tại Quy Sơn **hội hạ**, hốt nhất dạ liên kiếu (khiếu) viết: "Ngã đại ngộ dã". Nghĩa là: *Buổi đầu, thiền sư Trí Thông ở tu tập tại **đạo tràng** của hòa thượng Quy Sơn. Bỗng một đêm kia, sư kêu liên hồi: "Ta ngộ rồi!"* (*Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 4).

- "(Lâm Tế Nghĩa Huyền) sơ tại Hoàng Bá **hội hạ**, hành nghiệp thuần nhất". Nghĩa là: *"Buổi đầu, thiền sư Lâm Tế nương thân tu học **trong hội** của ngài Hoàng Bá, tu tập thuần khiết, chuyên nhất"* (*Lâm Tế ngữ lục*).

"Hương Nghiêm Trí Nhàn y Quy Sơn **thiền hội**". Nghĩa là: *"Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn nương thân tu học tại **thiền hội** của Quy Sơn"* (*Cảnh Đức truyền đăng lục,* quyển 11).

- Khai đường thị chúng viết: "Tích nhật Linh Sơn **hội thượng**, **Thế Tôn** niêm hoa, Ca Diếp vi tiếu", nghĩa là*: "Thiền sư Thủ Đoan khai đường dạy môn đồ rằng: "Khi xưa tại **đạo tràng** ở Linh Sơn, đức Thế Tôn nâng hoa, Tổ Ca Diếp mỉm cười..."* (*Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 19).

Dịch *"**nhân đi dự hội ở chùa Long Tuyền**"* chứng tỏ dịch giả không để ý thuật ngữ **hội hạ**, **tưởng nhầm là đi trẩy hội chùa**.

Vậy toàn đoạn trên nên dịch là: *"Sư là người am hiểu vận số thế cuộc, **hành động việc gì cũng theo khuôn phép** cho nên người trong làng đều*

*tôn sùng phụng sự, gọi sư là trưởng lão. Tuổi xế chiều, nhân nghe thuyết pháp **tại đạo tràng của thiền sư Nam Dương ở Long Tuyền**, sư lĩnh ngộ yếu chỉ Thiền tông nên quy tâm Phật giáo".*

Trang 176
(Tiểu truyện thiền sư Định Không)

Nguyên văn:

"Sư tương quy tịch, ngữ đệ tử Thông Thiện viết: 'Ngô một hậu, nhữ thiện trì kỳ pháp Đinh nhân tức truyền, tắc ngô chi nguyện tất hĩ!' Ngôn cật cáo biệt nhi chung... Thông Thiện ư Lục Tổ tự tây khởi phù đồ, **thả chí kỳ chúc ngữ ế diên** (且誌其囑語瘞焉)".

Bản NĐT dịch: *"Trước khi quy tịch, sư nói với đệ tử Thông Thiện: '...Sau khi ta qua đời ngươi khéo giữ đạo pháp của ta để sau gặp người họ Đinh thì truyền lại'... Nói xong, sư cáo biệt rồi qua đời... Thông Thiện dựng tháp ở chùa Lục Tổ và **ghi nhớ** lời di chúc của sư **lúc lâm chung**".*

Dịch như vậy là không để ý đến chữ **ế** (瘞) trong nguyên văn có nghĩa là **chôn** và chữ **chí** (誌) có nghĩa là **ghi chép chứ không phải ghi nhớ**, cho nên câu chót không thể hiện được thành ý tuân thủ lời thầy trối trăn của thiền sư Thông Thiện. Câu này nên hiểu là: *"Thông Thiện xây tháp ở phía tây chùa Lục Tổ, đồng thời **ghi chép lời trăn trối của thầy chôn theo vào trong tháp đó** (để sau này khi gặp người họ Đinh thì lấy lời ghi chép đó ra làm bằng chứng mà truyền pháp)".*

Trang 176
(Tiểu truyện trưởng lão La Quý An)

Nguyên văn:

"Song Lâm tự trưởng lão La Quý, **An Chân** nhân, tính Đinh thị".

Bản NĐT dịch: *"Trưởng lão **La Quý An**. Chùa Long Lâm (có lẽ lỗi morasse in nhầm **Song** thành **Long** chăng?), hương Phù Ninh, phủ Thiên Đức. **Chân nhân** họ Đinh..."*, rồi còn chú ở dưới: *"Nguyên văn: 'Song Lâm tự, trưởng lão La Quý An chân nhân tính Đinh...' TVLT (trang 220) ghi là La Quý, quê ở hương An Chân".*

Chính cách hiểu đoạn này của sách *Thơ văn Lý Trần* là đúng, còn cách hiểu của hai dịch giả là sai. Bởi vì về mặt từ lý, trong các trước tác Phật giáo tuy danh hiệu **chân nhân** vẫn được dùng để chỉ các thiền sư, **nhưng đối với một thiền sư, người ta chỉ gọi hoặc là trưởng lão, hoặc là chân nhân, chứ không bao giờ lại gọi vừa trưởng lão vừa chân nhân một lượt**. Cho nên trong trường hợp câu trên không thể nào có chuyện **trưởng lão** La Quý An **chân nhân** được. Về mặt thư tịch, *TUTA* trình bày tiểu sử các thiền sư theo một **văn phong** và **bố cục** gần như **nhất quán từ đầu sách đến cuối như sau**:

- Tên phủ (hoặc quận huyện hay kinh đô) mà chùa tọa lạc.
- Tên hương (làng) mà chùa tọa lạc.
- Tên chùa mà sư trụ trì.

- Tên quê quán của sư.
- Họ của sư.

Có khi tên hương (làng) mà chùa tọa lạc được thay bằng tên núi mà chùa tọa lạc. Thứ tự của các loại tên này ở mỗi tiểu truyện có thay đổi chút ít, **nhưng tên quê quán của sư nằm tiếp theo tên sư thì hầu như nhất quán**. Xin đơn cử một vài ví dụ:

- Thiên Đức phủ, Hoa Lâm hương, Kiến Dương tự, Thanh Biện thiền sư, **Cổ Giao nhân dã**, tính Đỗ thị (Thiền sư Thanh Biện, người Cổ Giao, họ Đỗ, trụ trì chùa Kiến Dương, làng Hoa Lâm, phủ Thiên Đức).

- Tiên Du Thiên Phước sơn, Chúng Thiện tự, Pháp Hiền thiền sư, **Chu Diên nhân**, tính Đỗ thị (Thiền sư Pháp Hiền, người Chu Diên, họ Đỗ, trụ trì chùa Chúng Thiện trên núi Thiên Phước, huyện Tiên Du).

- Long Biên Cổ Châu hương, Pháp Vân tự, Tỳ Ni Đa Lưu Chi thiền sư, **Nam Thiên Trúc quốc nhân**, Bà La Môn chủng dã (Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi người miền Nam nước Thiên Trúc, thuộc chủng tộc Bà La Môn, trụ trì chùa Pháp Vân làng Cổ Châu, kinh đô Long Biên).

- Ứng Vương cư sĩ, Thăng Long kinh, **Họa Thị phường nhân dã**, tính Đỗ thị (Cư sĩ Ứng Vương, họ Đỗ, người phường Họa Thị, kinh đô Thăng Long)...

Ngần ấy trưng dẫn cho thấy tên quê quán của thiền sư luôn đi kèm liền theo sau tên người, vậy đoạn *"**Trưởng lão La Quý An chân nhân**"* phải được hiểu là *"Trưởng lão **La Quý, An Chân** nhân"*, nghĩa là: *"Trưởng lão tên **La Quý**, người đất **An Chân**"*.

Trang 180
(Tiểu truyện thiền sư Pháp Thuận)

Nguyên văn:

"Thiên Phúc thất niên, Tống nhân Nguyễn (Lý) Giác lai sính. Đế mệnh sư biến phục vi tân lại, siêm Giác cử động. Hội hữu lưỡng nga phù ư thủy trung, Giác hí ngâm vân: "Nga nga lưỡng nga nga. Ngưỡng diện hướng thiên gia". Sư ư bả trạo thứ, **túc** (足) chi vân: "Bạch mao phô lục thủy. **Hồng trạo bãi thanh ba** (紅棹擺青波)".

Bản NĐT dịch: "Năm Thiên Phúc thứ 7 (986), sứ giả nhà Tống là Lý Giác sang nước ta, vua sai sư thay đổi quần áo, giả làm người cai quản bến đò để xem xét cử động của Giác. Lúc qua sông thấy hai con ngỗng đang bơi giữa sông, Lý Giác ngâm đùa:

Ngỗng ngỗng, ngỗng một đôi
Vươn cổ ngước chân trời

Sư đang cầm chèo, **bước tới** đọc tiếp thêm:

Nước xanh ngời lông trắng
Sóng biếc **chèo hồng bơi**"

Dịch như vậy tuy không có gì sai trái nhưng không được **đắc thể** lắm, nhất là hai chữ **bước tới** trong câu *"Sư đang cầm chèo, **bước tới** đọc tiếp thêm"*, chắc là hai vị hiểu nhầm chữ **túc** (足) trong *"**túc chi vân**"*. Chữ **túc** (足)

này vừa có nghĩa là **chân**, vừa có nghĩa là **đủ**. Trong ngữ cảnh của câu trên, phải hiểu là **đủ** mới đúng, tức **sau khi Lý Giác vừa đọc xong hai câu đầu** thì sư Pháp Thuận **liền đọc nối hai câu nữa cho đủ bài tứ tuyệt**. Về sự, chiếc đò nhỏ đó do sư chèo đưa Lý Giác qua sông, khoảng cách giữa hai người rất ngắn, nên sư vừa chèo vừa ngâm tiếp là được rồi cần gì phải bước tới.

Thứ đến, hai câu của sư Pháp Thuận bổ túc là một cặp thực trong bài tứ tuyệt nên hai vế đối nhau chan chát. Vậy chữ **hồng trạo** (紅棹) vế dưới phải đối với **bạch mao** (白毛) ở vế trên. Mà **bạch mao là lông trắng của cặp ngỗng** thì **hồng trạo** muốn đối chỉnh **phải có nghĩa là cái gì thuộc cơ phận của đôi ngỗng ấy** tức **mấy cái cẳng màu hồng của chúng**. Sở dĩ sư Pháp Thuận dùng chữ **hồng trạo** tức **chèo hồng** là vì **bàn chân con ngỗng khi quẩy nước lội bè ra như mái chèo**. Vậy dịch ***"chèo hồng bơi"*** chẳng những không hiểu ý tác giả mà còn làm mất hết **ý vị linh động** của câu thơ. Vậy xin đề nghị dịch lại là:

Nước xanh **lông trắng nổi**
Sóng biếc **cẳng (chân) hồng bơi**

(Thường người ta nói **cẳng ngỗng**, như **tréo cẳng ngỗng**)

Dịch ***"chèo hồng bơi"*** có lẽ người dịch bị ấn tượng mái chèo mà sư Pháp Thuận bơi đưa ông Lý Giác sang sông chăng?

Trang 180
(Tiểu truyện thiền sư Pháp Thuận)

Nguyên văn:

"Sư viết: 'Sở bất cảm từ, đãn khủng phúc bịnh nhĩ!'

Ngô hỉ viết: 'Thống tắc ngô tự đại chi'.

Sư khẳng tùng. **Nga nhi dương vi** phúc trướng, phúc trung lôi hống, **suyễn tức đại hống** vân: 'Ngô quân đại ngã'. Ngô thương hoàng võng thố".

Bản NĐT dịch: "Sư đáp: 'Bần đạo không dám từ chối, chỉ sợ bị đau bụng thôi!'. Người họ Ngô cười nói: 'Đau thì để Ngô mỗ này chịu cho!'. Sư **phải miễn cưỡng nghe theo.** Được một lúc, **sư về nhà** bị trướng bụng, trong bụng có tiếng sôi ùng ục. Sư bèn kêu to: 'Ngô quân hãy chịu đau cho tôi đi!'. Chủ nhà họ Ngô hốt hoảng không biết làm thế nào!".

Dịch như trên là phạm mấy nhầm lẫn:

Thứ nhất từ **khẳng tùng** (肯從) không có nghĩa **phải miễn cưỡng nghe theo** mà là **chịu nghe theo**, tức đồng ý một cách bình thường.

Thứ hai *"phúc trung lôi hống, **suyễn** (喘) tức đại hống vân"* nghĩa là: *"Trong bụng sôi ùng ục, (sư) thở hổn hển kêu to lên"*. Từ **suyễn** (喘) tức chỉ hơi thở hổn hển dồn dập do mệt hay đau quá. Dịch giả đã bỏ sót chi tiết này.

Thứ ba, mà cũng sai lầm nặng nhất là từ **dương vi** (佯爲) tức **giả bộ** mà dịch giả không để ý lại dịch phớt là **về nhà**. Dịch **về nhà** vừa sai về từ ngữ mà cũng sai luôn bối cảnh câu chuyện. Vì qua mạch văn, **sư không có về nhà** gì cả, mà từ đầu tới cuối chỉ ở tại chỗ tên Ngô ép sư ăn thịt uống rượu mà thôi. *"**Nga** dương*

vi phúc trướng" có nghĩa là *"**Lát sau** sư giả bộ sình bụng"*. Đã **lát sau** tức **sau đó một lát** thì sư giả bộ đau bụng ngay, và như vậy thì **về nhà thế nào được**.

Từ **dương vi** (佯爲) với nghĩa là **giả bộ** được tác giả sử dụng ở tiểu truyện Từ Đạo Hạnh: "(Sư) nhân sử kỳ tỷ, **dương vi** thị hội giả...", nghĩa là: *"Nhân đó sư bảo người chị, **giả bộ** làm người đi xem hội..."*.

Vậy đoạn trên nên dịch là: *"Sư nói: 'Bần đạo nguyên không dám chối từ, nhưng chỉ sợ đau bụng mà thôi'. Gã họ Ngô vui mừng nói: 'Nếu có đau bụng thì tôi chịu đau thay cho!'. Sư nghe theo (hắn mà ăn uống). Lát sau, sư **giả bộ** bị sình bụng. Trong bụng có tiếng sôi ùng ục, sư thở hổn hển kêu to lên: 'Ông Ngô ơi, chịu đau thay cho tôi đi!'. Tên Ngô hốt hoảng, quýnh quáng không biết phải làm thế nào!"*.

Trang 191
(Tiểu truyện thiền sư Vạn Hạnh)

Nguyên văn:

"Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô (盛衰如露草頭鋪)"

Bản NĐT trích bài thơ dịch của Ngô Tất Tố trong quyển *Văn học đời Lý* như sau:

"Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cối xuân tươi thu **não nùng**
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông"

Theo chúng tôi nghĩ, chữ **khô** (枯) trong câu *"Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô"* có nghĩa giản dị là **khô héo**, ngược nghĩa với chữ tươi thắm, thường dùng để chỉ trạng thái hình chất, trong khi chữ **não nùng** chỉ trạng thái tâm tình như người ta nói **tiếng ca ai oán não nùng** chẳng hạn. Vậy dịch *"Cây cối xuân tươi thu não nùng"* như cố thi sĩ họ Ngô e không chuẩn lắm! Kế đến câu chót *"Thịnh suy như lộ thảo đầu phô"*, có nghĩa là sự thịnh suy trong đời chóng vánh như giọt sương móc lộ bày ra trên đầu ngọn cỏ buổi ban mai khi mặt trời lên là tan biến mất. Cho nên cố thi sĩ Ngô Tất Tố dịch thoát câu này *"Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông"* âm vận rất hay nhưng nó không nêu rõ được hình ảnh sự thịnh suy chóng vánh được. Vậy chúng tôi xin mạn phép sửa lại bài thơ đôi chút như sau:

Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cối xuân tươi thu héo khô
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi
Thịnh suy đầu cỏ giọt sương đông

Trang 202
(Tiểu truyện thiền sư Đạo Hạnh)

Nguyên văn:

"Hội chí tam nhật Giác Hoàng yếu tật ngữ nhân viết: '**Biến mãn quốc giới** (徧滿國界), thiết võng la tráo, tuy dục thác sinh, khủng vô lộ dã'".

Bản NĐT dịch: "Hội đến ngày thứ ba thì Giác Hoàng bỗng kêu đau, bảo mọi người: 'Ta đã đi **khắp quanh hoàng thành**, nhưng ở đâu cũng có lưới sắt vây kín, muốn thác sinh cũng không biết lọt vào bằng cách nào'".

"**Biến mãn quốc giới"** (徧滿國界) mà dịch là *"**khắp quanh hoàng thành**"* thì chắc là người dịch không để ý thuật ngữ thiền **quốc giới** (國界) tức ***"quốc độ thế giới"*** chỉ tất cả **mọi cảnh giới** trong tam thiên đại thiên thế giới, chứ đâu có nhỏ hẹp quanh cái hoàng thành kinh đô Thăng Long! Những người đắc đạo như Đạo Hạnh và Đại Điên thì cảnh giới mà tâm họ nhiếp thụ, nếu nhỏ mọn thì không trong mà lớn thì không ngoài, tức bao trùm sum la vạn tượng vậy.

Trang 206
(Tiểu truyện thiền sư Thuần Chân)

Nguyên văn:

"Thiếu thông kinh sử. Sở chí chi xứ, **phùng dịch bối** (逢掖輩)... tranh tiên tùng chi".

Bản NĐT dịch là: *"(Sư) thuở nhỏ học thông kinh sử, đi đến đâu **người cùng lứa tuổi** thường tranh nhau theo"*.

Dịch như vậy là do không để ý thuật ngữ **phùng dịch bối** (逢掖輩) nên mới dịch là **người cùng lứa tuổi**.

Thật ra **phùng dịch** (逢掖) hay còn gọi là **phùng y** (逢衣) là chiếc áo rộng nách mà các Nho sinh thời xưa hay mặc, sau biến thành thuật ngữ chỉ **nho sinh**. Cho nên **phùng dịch bối** (逢掖輩) là **bọn Nho sinh**, chứ không phải **người cùng lứa tuổi** gì cả!

Vậy câu trên nên dịch là: *"Sư thuở nhỏ thông thạo kinh sử, đi đến đâu **bọn Nho sĩ** tranh nhau theo về"*.

Trang 210
(Tiểu truyện tăng thống Huệ Sinh)

Nguyên văn:

"... Thái bảo Đào công Xử Trung, Tham chính Kiều công Bồng đẳng giai vãng lai vấn đạo, **chấp sư tư lễ** (執師資禮)".

Bản NĐT dịch: *"... Thái bảo Đào Xử Trung, tham chính Kiều Bồng v.v... đều tìm đến thỉnh vấn, **mời sư chủ trì các cuộc lễ**"*.

Tập từ **chấp sư tư lễ** (執師資禮) không bao giờ có nghĩa *"**mời sư chủ trì các cuộc lễ**"* mà là *"**giữ lễ theo tư cách thầy trò**"*, tức **đối với sư họ coi như bậc thầy**. Vậy câu trên nên dịch là: *"... Thái bảo Đào Xử Trung, Tham chính Kiều Bồng đều tới lui hỏi han đạo pháp, **giữ lễ thầy trò đối với sư***".

Từ **sư tư lễ** (師資禮) này là một thuật ngữ Phật giáo. **Sư tư** (師資) chỉ **sư đệ, sư đồ** tức thầy trò. Sư là người dạy dỗ đồ đệ, **tư** là **tư tài** mà sư ban bố giáo pháp, tức **đệ tử** của sư. Quan hệ **thầy trò** trong Phật môn thật là nghiêm cẩn, quan trọng: Thầy truyền pháp mạch cho đệ tử gọi là *"thầy trò truyền nối cho nhau huyết mạch"* (*Từ nguyên*: Sư tư, sư đệ, sư đồ chi ý. Sư giáo huấn đồ

đệ giả, tư vi sư sở thí giáo chi tư tài, diệc tức đệ tử chi ý. Phật môn trung, sư tư chi quan hệ cực kỳ trọng yếu. Sư giả, truyền pháp mạch dữ đệ tử xưng sư tư tương thừa huyết mạch).

Để hiểu rõ thêm từ **sư tư** (師資) chúng tôi xin trích dẫn ngữ lục sau đây: "Nhất nhật Tổ vị sư viết: 'Tùng thượng y pháp song hành, **sư tư** đệ truyền. Y dĩ biểu tín, pháp nãi ấn tâm'", nghĩa là: *Ngày kia, Lục Tổ Huệ Năng nói với thiền sư Hành Tư rằng: "Từ xưa tới nay, **thầy trò** đều truyền thụ đời này sang đời khác, Y và Pháp một lượt. Y để biểu thị lòng tin, Pháp để ấn tâm"* (*Ngũ đăng hội nguyên* quyển 5).

Trang 211
(Tiểu truyện tăng thống Huệ Sinh)

Nguyên văn:

"Hựu vân:

Tự cổ lai tham học
Nhân nhân **chỉ** vi nam (人人指爲南)
Nhược nhân vấn tân sự
Tân sự nguyệt sơ tam"

Bản NĐT trích bản dịch bài thơ của hòa thượng Thanh Từ trong sách *Thiền sư Việt Nam*:

Xưa nay kẻ tham học
Người người **chỉ vì nam**
Nếu người hỏi việc mới
Việc mới ngày mùng ba

Hòa thượng Thanh Từ dịch như vậy đúng là không có gì sai cả, **nhưng chỉ là lối dịch theo từng chữ một vô thưởng vô phạt**, nội dung bài dịch chung chung không nêu được chủ ý tác giả. Thí dụ như *"**Người người chỉ vì nam**"* không nêu ra được ý nghĩa gì cả, hoặc *"**Việc mới ngày mùng ba**"* là gì? Theo chỗ chúng tôi hiểu, **cũng có thể là chủ quan**, thì chữ **chỉ** (指) trong bài thơ này tuy viết với bộ **thủ** bàng, nhưng nó đồng nghĩa với chữ **chỉ** (旨) và có nghĩa là **chỉ ý thiền tông**, hoặc chữ **chỉ** (指) trong câu **trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.** Chữ **nam** (南) bao hàm 3 nghĩa:

- Một là hướng mà đồng tử Thiện Tài được Bồ tát Văn Thù chỉ để đi cầu pháp nơi 53 vị thiện tri thức.

- Hai là từ thời Lục Tổ Huệ Năng, Thiền tông được gọi là Nam tông đối lại với Bắc tông Thần Tú.

- Ba là nam châm luôn chỉ về hướng nam, biểu tượng cho một hướng đã quy định.

Nói chung, **chỉ vì nam** hàm ý là theo một **định hướng đã có sẵn. Tân sự** là **việc mới mẻ**, tức sự sáng tạo ngoài định hướng đã có sẵn. Còn **nguyệt sơ tam** (月初三) là **trăng mùng ba**. Thực ra, nói **sơ tam** (初三) là để vần với chữ **nam** (南) mà thôi, dù có nói mùng 1, mùng 2 hay thậm chí đêm 30 cũng được, vì đều ám chỉ đêm mù mịt như nhau cả.

Vậy toàn bài thơ có ý chê người theo học thiền từ xưa đến giờ **chỉ biết chăm chăm theo một chỉ hướng đã có sẵn để cầu pháp tìm thiền mà không biết sáng tạo** nên thảng hoặc có ai hỏi đến cái gì mới mẻ thì **mù tịt như đêm 30**. Nếu hiểu như vậy chúng ta mới thấy bài thơ đầy ý vị và quan điểm tu học của tăng thống Huệ Sinh thật là **sinh động sáng tạo**. Vậy chúng tôi xin tạm dịch thoát bài thơ trên như sau:

Kẻ tham học xưa nay
Lấy Thiền chỉ làm hay
Gặp người hỏi việc mới
Mù mịt trăng mùng hai

(Nguyên văn viết *"mùng ba"* nhưng chúng tôi dịch mùng hai cho vần mà ý vẫn không đổi như chúng tôi đã trình bày ở trên).

Để làm rõ thêm từ **chỉ nam** (指南), chúng tôi xin trưng dẫn một số ngữ lục như sau:

- Quyển 8 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 52-258 thượng) chép: Tăng vấn: "Sư quy trượng thất, tương hà chỉ nam?", sư vân: "Tạc dạ tam canh thất khước ngưu. Thiên minh thất khước hỏa". Nghĩa là tăng nhân hỏi: *"Sư quay về trượng thất, ý chỉ hướng điều gì?"*, thiền sư Triệu Châu đáp: *"Nửa đêm hôm qua mất trâu, rạng ngày bị hỏa hoạn"*.

- Quyển 16 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-396 thượng) chép: Tăng vấn: "Như hà thị cảnh nam nhất lộ?", sư nhất: "Diệu dẫn linh cơ sự. Trừng ba hiển dị luân", Nghĩa là tăng nhân hỏi: *"Thế nào là một con đường chỉ nam?"*, thiền sư Đạo Ẩn đáp: *"Đưa đến một cách huyền diệu chuyện linh cơ. Trong sóng xao lộ bánh xe lạ"*.

Nhân đây chúng tôi cũng xin nói thêm, trước tác thiền lâm thường dùng từ **chỉ đông**, **chỉ tây** để diễn tả hành động hay lời nói lòng vòng, quanh co, ngược lại với **chỉ nam** là hướng thẳng đến vấn đề.

- Quyển 8 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-258 thượng) chép: Sư vân: "Bất dụng chỉ đông chỉ tây, trực hạ bổn phần sự đạo lai!", nghĩa là thiền sư Triệu Châu Tùng Thẩm nói: *"Chẳng cần nói quanh nói quẩn, hãy ngay việc lớn sanh tử mà nói coi!"*.

- Quyển 9 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-268 hạ) chép: Sư vấn: "Nhữ ly ngô tại ngoại đa thiểu thời đa?", tiểu sư vân: "Thập niên". Sư vân: "Bất dụng chỉ đông chỉ tây, trực đạo tương lai". Nghĩa là sư nói: *"Ông rời ta đi nơi khác lâu mau rồi?"*, tiểu sư đáp: *"Mười năm"*. Sư nói: *"Không cần nói quanh nói co, hãy nói thẳng ra coi!"*.

Trang 212
(Tiểu truyện thiền sư Thiền Nham)

Nguyên văn:

"Thường tập Tổng Trì Đà La Ni môn, **bội nhi độc tụng** (背而讀誦), nhất tự bất di".

Bản NĐT dịch: *"... thường tụng niệm kinh Tổng Trì Đà La Ni,* ***có thể đọc ngược từ đầu đến cuối*** *không sót một chữ"*.

Thực ra, **bội độc** (背讀) hay **bội độc tụng** (背讀誦) đơn giản chỉ có nghĩa là **đọc không nhìn vào sách** tức **đọc thuộc lòng**. Môn **đọc thuộc lòng** này ở bậc tiểu học còn gọi là môn **ám đọc**, tức môn **récitation** trong thời Pháp thuộc. **Bội nhi độc tụng** mà dịch *"**có thể đọc ngược**"* là lối dịch theo từng chữ một không bao giờ đúng được.

Trang 214
(Tiểu truyện thiền sư Bản Tịch)

Nguyên văn:

"(Sư) tảo hữu miệt thường, ngộ **dị tăng** kỳ chi viết: 'Thử nhi cốt tướng bất phàm...'".

Bản NĐT dịch: *"Ông từ nhỏ đã có tướng mạo khác thường, một vị **sư lạ** trông thấy khen rằng: 'Cậu bé này cốt tướng phi phàm..."*.

Từ **dị tăng** (異僧) mà dịch đơn giản là **sư lạ** e chưa đúng nghĩa, mặc dù theo từng chữ một thì không có gì sai. Trong thời kỳ trình độ địa lý còn hạn hẹp xưa kia, ở ta cũng như Trung Quốc, nước Thiên Trúc hoặc Ấn Độ được coi như những vùng xa xôi khác lạ và được gọi là **dị vực** (異域). Tăng nhân nước này đến Trung Quốc hay Việt Nam ta được gọi là **Hồ tăng** (胡僧), **dị vực tăng** (異域僧) hay **dị tăng** (異僧). Vậy đoạn trên nên dịch là: *Sư từ nhỏ đã có tướng mạo khác thường. Một **nhà sư Tây Vực** (hay **một Hồ tăng**) thấy sư kinh ngạc khen: "Đứa bé này cốt cách khác phàm..."*.

Từ **dị tăng** để chỉ **Hồ tăng** (胡僧), tức nhà sư bên Tây Trúc thấy chép ở truyện thiền sư Phần Dương Thiện Chiêu như sau: "... Hữu **dị tăng** huề trượng chí vị sư viết: 'Hội trung hữu lục đại sĩ, hà bất thuyết pháp?'. Ngôn cật kinh khứ, sư mật ký nhất tụng:

Hồ Tăng kim tích quang
Vị pháp đáo Phần Dương
Lục nhân thành đại khí
Khuyến thỉnh vị phu dương"

Tạm dịch:

"**Hồ tăng** cầm gậy vàng
Vì pháp đến Phần Dương
Sáu người thành đại khí
Khuyên mời khá phu dương"

Sư Thiện Chiêu làm bài tụng dùng chữ **Hồ tăng** để chỉ **dị tăng** cầm gậy đến đạo tràng của mình, điều này chứng minh từ **dị tăng** là **Hồ tăng** tức nhà sư Tây Vực, nhà sư Ấn Độ.

Trang 214
(Tiểu truyện thiền sư Bản Tịch)

Nguyên văn:

"Sở chí chi xứ, tắc phổ thí pháp vũ, hà chấn huyền phong, **thuế nạp ma tùng trâm thân quy mộ** (毳衲麻從簪紳歸慕)".

Bản NĐT dịch: *"Sư đến nơi nào đều bố thí mưa pháp rộng khắp,* ***làm chấn động huyền phong, tăng ni sĩ thứ*** *đều quy mộ".*

Hà chấn huyền phong (遐震玄風) không phải **làm chấn động huyền phong** mà là **làm lan rộng huyền phong**. Tuy nhiên điều đó cũng chẳng đáng nói chi, còn như "**thuế nạp ma tùng trâm thân quy mộ**" mà dịch là: *"****tăng tục sĩ thứ*** *đều quy mộ"* thì quá thoát, vừa chưa hết ý, vừa làm mất đi tính đối nhau của cổ văn. **Thuế** (毳) là chiếc áo bện lông chim, một loại áo mà hồi xưa tăng nhân thường hay mặc. Còn **nạp** (衲) là chiếc áo vá nhiều lỗ mà các thiền sư mặc thường ngày. Trước tác thiền lâm thường hay dùng chữ **thuế** (毳) để chỉ **tăng nhân** đi đôi với chữ **nạp** (衲) để chỉ **tăng lữ.** Vậy **thuế nạp** (毳衲) là **tăng nhân**. Chữ **trâm** (簪) nghĩa là cây **trâm** cài tóc tượng trưng cho phái **nữ**, còn **thân** (紳) là cái **dải áo to** tượng trưng cho phái **nam**. Vậy **trâm thân** (簪紳) là **nam nữ** tục lữ, hay chỉ gọn lại là tục nhân, tục lữ.

Vậy câu trên nên dịch là: *"Sư đến nơi đâu cũng bố thí mưa pháp rộng khắp, làm cho huyền phong lan xa,* ***tăng nhân*** *theo về đông đảo, tục lữ mến mộ quy tâm".*

Trang 215
(Tiểu truyện tăng thống Khánh Hỷ)

Nguyên văn:

"Nhất nhật tùy Tịch phó đàn gia cúng. Lộ thứ, vấn: 'Vân hà thị Tổ Thiền để đích ý? Thích văn dân gia vu cổ', Tịch vân: 'Mạc thị giá ngôn vu hích giáng thần ma?'. Sư vân: 'Hòa thượng mạc chuyên lộng!'. Tịch vân: 'Ngô bất tằng mại mại lộng!'".

Bản NĐT dịch: *Một hôm theo Bản Tịch đến nhà đàn việt thọ trai, dọc đường sư hỏi: "Thế nào là ý chỉ của tổ sư?* ***Sao thầy lại nghe theo dân gian làm những chuyện đồng cốt mê hoặc****?". Bản Tịch đáp: "****Lời nói ấy đâu phải là không do đồng cốt giáng thần****?". Sư nói: "****Chẳng phải là hòa thượng đùa bỡn con hay sao****?". Bản Tịch đáp: "Ta chẳng hề đùa bỡn tí nào!".*

Dịch như vậy là sai lầm về cả văn ý, lẫn Phật ý. Thứ nhất xin nói về chỗ chấm câu nhầm. Ở đoạn đầu dấu chấm hỏi phải được đặt sau chữ **ý**, nghĩa là đoạn diễn tả câu hỏi sư Khánh Hỷ đặt ra với thầy là Bản Tịch chỉ có mấy chữ: *"Vân hà thị Tổ sư để đích ý?".* Đoạn tiếp theo, *"Thích văn dân gia vu cổ"* không phải là phần tiếp theo câu hỏi của sư Khánh Hỷ. Vì chấm câu không đúng nên dịch giả mới dịch nhầm lẫn: *"****Sao thầy lại nghe theo dân gian làm những chuyện đồng cốt mê hoặc****?"*, trong khi ý chính của đoạn trên là: *"Một hôm, sư theo Bản Tịch đến nhà đàn việt thọ cúng dường. Đang lúc đi đường sư hỏi thầy:*

- Thế nào là ý chỉ đích thực của Tổ sư?

Vừa ngay lúc ấy nghe tiếng trống cơm của bọn đồng bóng vang lên ở nhà dân bên đường, Bản Tịch đáp:

- Lời ông hỏi đó há chẳng phải là tiếng bọn đồng bóng giáng thần đó sao?".

Tại sao sư Khánh Hỷ hỏi về chỉ ý đích thực của Tổ sư mà thầy là thiền sư Bản Tịch lại chê lời hỏi đó chẳng khác nào lời bọn đồng bóng giáng thần vu

vơ? Nguyên *"Tổ Thiền để đích ý"* hay *"Tổ sư Tây lai ý"* là một câu hỏi thường được các học nhân nêu ra để hỏi các thiền sư. Nhưng vì đây là vấn đề bất khả tư nghì, không thể dùng lý trí để hiểu hay dùng ngôn từ để lý giải được, nên các thiền sư đạt đạo thường trả lời bằng cách im lặng, hoặc hét đánh, hoặc nói một lời vô nghĩa nghịch lý, hoặc chỉ thẳng vào một sự kiện hiện tiền v.v... Trong trường hợp này thiền sư Bản Tịch nhân nghe tiếng trống của bọn đồng bóng mà ví câu hỏi – tìm cầu kiến giải – của Khánh Hỷ với chuyện mê tín hoang đường ấy, để cảnh tỉnh ông ta. Tiếc thay Khánh Hỷ không lãnh hội mà lại còn trách thầy đã trêu mình nên bỏ đi gặp thiền sư Biện Tài.

Trang 216
(Tiểu truyện tăng thống Khánh Hỷ)

Nguyên văn:

"Sư cử tự tiến thoại, Tài vân: 'Y! Tịch công vi nhữ thái sát đạo liễu. Mạc báng bổn sư hảo'. Sư trữ tư, Tài vân: '**Bất kiến đạo: Đạt thời biến cảnh thị, bất ngộ vĩnh quai sơ**' (不見道達時徧境是不悟永乖踈). Sư thích nhiên đốn ngộ...".

Bản NĐT dịch là: "*Sư kể lại lời đối thoại bữa trước, Biện Tài nghe xong nói: 'Ôi! Thầy Bản Tịch đã nói hết nhẽ cho ngươi rồi đấy. Ngươi chớ nên hủy báng bản sư mới được'. Sư im lặng suy nghĩ. Biện Tài nói: '**Khi chẳng thấy đạt đạo thì dù có đi khắp cõi cũng không ngộ được, mãi mãi sai trái thôi**'. Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ...*"

Dịch như vậy chẳng những sai từ lý mà còn đi ngược lại thiền lý nữa. Câu "Sư trữ tư, Tài vân: '**Bất kiến đạo: Đạt thời biến cảnh thị**, **bất ngộ vĩnh quai sơ"** có nghĩa là: *Sư ngần ngừ lặng thinh, thiền sư Biện Tài nói: "**Ông há chẳng nghe nói 'Hễ đạt đạo thì mọi cảnh giới đều đúng, còn chưa ngộ thì mãi mãi vướng ngăn' sao?**"*. Chữ **kiến** (見) nghĩa thông thường là **thấy**, nhưng trong cụm từ **bất kiến đạo** (不見道) nó lại có nghĩa là **nghe,** nên khi dịch ra Việt văn *"**Ông há chẳng nghe nói"*** thì nghe xuôi tai hơn. Cụm từ này được dùng rất nhiều trong các trước tác Thiền tông Hoa-Việt, chẳng hạn như trong quyển *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*, Thượng sĩ đã cử công án "Thiền sư Cảnh Thông hậu trụ Hoắc Sơn" như sau:

- Cử: "Cảnh Thông hậu trụ Hoắc Sơn. Hữu hành giả vấn: 'Như hà thị Phật pháp đại ý?'. Sư nãi lễ bái, hành giả vân: 'Hòa thượng vi thậm ma lễ tục nhân?'. Sư viết: 'Nhữ **bất kiến đạo**: Tôn trọng đệ tử". Nghĩa là: về sau thiền sư Cảnh Thông về trụ ở Hoắc Sơn, có hành giả hỏi: *"Thế nào là đại ý của Phật pháp?"*, sư liền vái lạy ông ta. Hành giả hỏi: *"Sao hòa thượng lại lễ bái kẻ tục nhân này?"*, sư đáp: *'**Há ông chẳng nghe nói** (Sư phụ) phải tôn trọng đệ tử đó sao?"*.

- Sách *Ngũ đăng hội nguyên,* quyển 15 ghi: Sư tấn tiền viết: "Khước thỉnh hòa thượng đạo nhất chuyển ngữ", Sư viết: '**Bất kiến đạo**: Sanh dã bất đạo! Tử dã bất đạo!". Nghĩa là thiền sư Trọng Hưng bước tới nói: *"Xin hòa thượng nói cho một chuyển ngữ!"*, hòa thượng Thạch Sương nói: ***Há ông không nghe nói** 'Sống cũng không nói, mà chết cũng không nói' đó sao?"*.

- Sách *Cảnh Đức truyền đăng lục*, quyển 18: Sư nhất nhật khiển tăng tống thư thượng Tuyết Phong. Tuyết Phong khai hàm, duy bạch chỉ tam bức, vấn

tăng: "Hội ma?". Viết: "Bất hội". Tuyết Phong viết: "**Bất kiến đạo**: Quân tử thiên lý đồng phong". Nghĩa là thiền sư Huyền Sa Sư Bị sai tăng đồ mang thư đến Tuyết Phong. Tuyết Phong mở bao thơ ra, chỉ thấy có ba tờ giấy trắng bèn hỏi vị tăng mang thư: *"Hiểu không?"*. Tăng đáp: *"Không hiểu"*. Tuyết Phong nói: *"**Há ông không nghe nói** 'Bậc quân tử ở cách xa vạn dặm mà phong cách vẫn giống nhau' sao?"*.

Để chứng minh **bất kiến đạo** (不見道) cũng đồng nghĩa với **bất văn đạo** (不聞道) chúng tôi xin trích dẫn ngữ lục sau đây:

Thiền sư Nghĩa Tồn thuật cho Nham Đầu nghe chuyện mình trước đây được lĩnh ngộ là do thiền sư A, thiền sư B khải thị v.v... Nham Đầu liền nạt: *"**Há ông chẳng nghe nói** 'Cái gì từ ngoài cửa vào đều không phải là món quý báu của nhà mình' sao?"*. (... Đầu hát viết: "Nễ **bất văn đạo** 'Tùng môn nhập giả, bất thị gia trân"- *Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 7).

Còn riêng câu **Đạt thời biến cảnh thị, bất ngộ vĩnh quai sơ** thì thiền sư Biện Tài đã lập lại nguyên văn câu nói của thiền sư Huệ Hải đời Đường, đệ tử đắc pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, còn có đạo hiệu là Đại Châu hòa thượng. Quyển 6 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* ghi: Hữu hành giả vấn: "Tức tâm tức Phật, nạ cá thị Phật?", sư vân: "Nhữ nghi nạ cá bất thị Phật, chỉ xuất khán". Vô đối, sư vấn: "**Đạt tức biến cảnh thị, bất ngộ vĩnh quai sơ**". Nghĩa là: có hành giả hỏi: *"Tâm ấy là Phật, vậy cái nào là Phật?"*, thiền sư Huệ Hải đáp: *"Ông nghi ngờ cái nào không phải là Phật, chỉ ta xem thử?!"*. Hành giả không đáp được, sư nói: *"**Hễ đạt đạo thì mọi cảnh giới đều đúng, còn như chưa ngộ thì mãi mãi vướng ngăn**"*.

Tuy nhiên tác giả *TUTA* thì lại cho câu nói trên của Mã Tổ Đạo Nhất, vì ở tiểu truyện thiền sư Thiện Hội tác giả viết: "Thành viết: 'Tích hữu nhân ư **Mã Tổ** vấn: 'Tức tâm tức Phật, nạ cá thị Phật?'. Tổ vân: 'Nhữ nghi nạ cá bất thị Phật'? Chỉ xuất khán!'. Kỳ nhân vô đối, Tổ vân: 'Đạt tức biến cảnh thị, bất ngộ vĩnh quai sơ'. Chỉ giá thoại đầu, nhữ hoàn hội ma?". Nghĩa là thiền sư Cảm Thành nói: *"Trước kia có người hỏi Mã Tổ 'Tâm ấy là Phật rồi, vậy cái nào mới là Phật đây?"*, Tổ đáp: *"Ông nghi ngờ cái gì không phải là Phật thì chỉ ra ta coi?!"*. Người kia không đáp được, Tổ nói: *"Hễ đạt đạo thì mọi cảnh giới đều đúng, còn chưa ngộ thì vĩnh viễn cùng Phật pháp vướng ngăn". Chỉ có câu thoại này thôi, ông có hiểu không Thiện Hội?"*.

Chúng tôi kiến thức hạn hẹp nên thật không biết sách nào nói đúng, xin các tác giả Thiền lâm chỉ giáo cho!

Trang 216
(Tiểu truyện tăng thống Khánh Hỷ)

Nguyên văn:

Sư lễ bái vân: "Mỗ giáp đắc báng hòa thượng tội, cố lai khất sám nhĩ", Tịch vân: "Tội tướng tánh không, nhữ tác ma sanh sám?". Sư vấn: "Đương như thị sám". Nghĩa là: Sư vái lạy thưa: *"Mỗ đây đắc tội hủy báng hòa thượng, nay đến xin sám hối"*, Bản Tịch nói: *"**Tánh của tội tướng vốn không. Vậy ông làm cách nào sám hối?**"*. Sư thưa: *"Ngay trong **tánh không** đó mà sám hối"*.

Không biết vì lẽ gì Bản NĐT chỉ dịch đoạn: *Sư sụp xuống lạy tạ thưa rằng: "Đệ tử mang tội hủy báng hòa thượng, nên trở lại sám hối"* rồi thôi, mà không dịch đoạn đối thoại rất hay giữa sư Khánh Hỷ với thiền sư Bản Tịch, phải chăng đó là lỗi của nhà in?!

Trang 216
(Tiểu truyện tăng thống Khánh Hỷ)

Nguyên văn:

"Thường dữ Tịnh Nhãn, Tịnh Như nhị thiền giả **thị lập thứ**. **Tịch vị viết**... (侍立次. 寂謂曰)".

Bản NĐT dịch: *"Từ đó sư cùng hai thiền giả là Tịnh Nhãn và Tịnh Như **thường được đứng** hầu thầy. **Một hôm Bản Tịch nói**..."*.

Đoạn này dịch vừa nhầm ý vừa chấm câu sai. Chữ **thường** (嘗) ở ngữ cảnh này có nghĩa là **có lần**, chữ **thứ** (次) là **đang**. Vậy đoạn "**Thường** dữ Tịnh Nhãn, Tịnh Như... thị lập thứ" có nghĩa là: *"**Có lần** sư cùng hai vị thiền giả Tịnh Nhãn và Tịnh Như **đang** hầu thầy"*. Như vậy cụm từ **Tịch vị viết** (寂謂曰) có nghĩa là: *"Bản Tịch nói với họ"* là **một hành vi đương trường diễn ra ngay lúc họ đang đứng hầu đó**, cho nên dịch giả chấm câu sau chữ *"hầu thầy"* và sang câu khác *"**Một hôm Bản Tịch nói**"* là không ăn khớp với mạch văn. Do *"**có lần**"* mà người dịch lại hiểu *"**từ đó**"*, nên đưa đến sai lầm liên hoàn là *"**đang hầu thầy**"* mà dịch là *"**thường được**"* cho nên hệ quả tất nhiên là hành vi *"**nói với họ ngay lúc đó**"* của sư Bản Tịch lại bị ngắt câu sang ý khác *"**Một hôm**..."*.

Nói tóm lại đoạn trên nên dịch là: *"Từng có lần sư cùng hai thiền giả là Tịnh Nhãn và Tịnh Như **đang hầu thầy**, thì **Bản Tịch nói**..."*.

Trang 217
(Tiểu truyện tăng thống Khánh Hỷ)

Nguyên văn:

"Giá linh lợi hán, thả mạc đả khai. **Nhữ chỉ giải thoát đáo giá biên sự** (汝只解脫到這邊事). Nhược **na biên sự** dã, vị mộng kiến liễu".

Bản NĐT dịch: *"Kẻ lanh lẹn này! Chớ nói toạc ra! Ngươi chỉ **thuyết giải**(1) được **một phía** thôi, nếu là việc **phía bên kia** thì chưa mộng thấy"*, rồi ông cước chú: (1) *"Nguyên bản là **giải thuyết, khắc in lầm là giải thoát**"*.

Theo chỗ chúng tôi biết, dịch và chú như vậy có điều không ổn. Trước hết nói về cước chú, nguyên văn ở cả hai bản *TUTA* và *ĐNTUTĐTL* đều khắc là **giải thoát**, và khắc in như thế là đúng, chứ không có lầm lẫn gì cả. Theo dõi cả một đoạn đối đáp thiền cơ giữa hai thầy trò Bản Tịch và Khánh Hỷ, ta thấy ông học trò Khánh Hỷ này căn cơ rất mẫn tiệp, đối đáp rất sắc bén, tưởng như đã hoàn toàn giác ngộ, **giải thoát**. Nhưng thật ra ông mới chỉ giải thoát **tới (đáo)** mức giải ngộ chứ chưa phải là chứng ngộ hay triệt ngộ. Một người thấy được lý qua kiến giải cũng được giải thoát khỏi những tà kiến mê vọng nhưng vẫn còn ở bờ bên này của thế giới tục đế, nghĩa là vẫn còn trong vòng khái niệm của lý trí. Chỉ khi nào triệt ngộ hay chứng ngộ mới thực sự bước qua bờ bên kia, bờ giải thoát giác ngộ hoàn toàn. Vì vậy thiền sư Bản Tịch mới nói:

*"Ông chỉ mới giải thoát **đến** mức (giải ngộ) ở bên bờ này, nếu là việc (chứng ngộ) ở bờ bên kia thì chưa thấu rõ đâu".*

Thứ đến xin nói về dịch. Thuật ngữ thiền **giá biên** (這邊) và **na biên** (那邊) mà dịch là *"**một phía**"* và *"**phía bên kia**"* theo sau động từ *"**thuyết giải**"* thì người đọc dễ hiểu lầm là **chỉ nói được một chiều**, chứ không lột tả được nghĩa thực của các thuật ngữ này dùng trong Thiền tông. **Giá biên** tức **bờ bên này**, ám chỉ **bờ mê, phương diện tướng dụng** hay **thế giới khái niệm tục tế.** Còn **na biên** tức **bờ bên kia**, ám chỉ **bến giác**, **phương diện thể tánh** hay thế giới **chân đế**.

Từ **giá biên** (這邊) có nghĩa tương đương với **thử ngạn** (此岸) và **na biên** (那邊) tương đương với **bỉ ngạn** (彼岸). **Giá biên-na biên** cũng còn được gọi là **giá cá** (這箇) - **na cá** (那箇). Để rõ thêm ý nghĩa của đặc ngữ **giá biên**, **na biên**, chúng tôi xin trích dẫn một vài ngữ lục để thuyết minh:

- Thiền sư Duy Nghiễm thấy Tuân Bố Nạp tắm tượng Phật bèn nói: "**Bên này** để ông tắm, nhưng ông có tắm được **bên kia** không?". Tuân đáp: "Hãy đem **bên kia** đến đi!". Sư đành thôi không nói nữa. (Sư kiến Tuân Bố Nạp tẩy Phật, nãi vấn: "**Giá cá** tùy nhữ tẩy, hoàn tẩy đắc **nạ cá** ma?". Tuân viết: "Bả tương **nạ cá** lai". Sư tiện hưu. *Cảnh Đức truyền đăng lục*, quyển 14).

- Thiền sư Cảnh Hân hỏi: "Gần đây nhị vị thiền sư rời đâu mà đến đây?", hai thiền sư đáp: "Rời **bên kia**", sư hỏi: "**Bên kia** ra làm sao?". Hai thiền sư **cùng nâng tách trà lên**, sư nói: "Đó vẫn chỉ là **bên này**, còn **bên kia** ra làm sao?". Hai thiền sư không đáp được. (Sư vấn viết: "Nhị thiền sư cận ly thậm ma xứ?". Viết: "Ly **na biên**". Sư viết: "**Na biên** sự tác ma sanh?". Bỉ đề khởi trà trản. Sư viết: "Thử do thị **giá biên**, **na biên** sự tác ma sanh?". Nhị nhân vô đối. *Cảnh Đức truyền đăng lục,* quyển 16).

Để hiểu rõ hơn vì sao thiền sư Bản Tịch chê sư Khánh Hỷ chỉ mới giải thoát đến mức giải ngộ của bờ bên này, mà chưa giải thoát đến mức chứng ngộ ở bờ bên kia, chúng tôi xin trích dịch đoạn vấn đáp giữa tướng quốc nhà Đường Đỗ Hồng Tiệm và thiền sư Vô Trụ về vấn đề giải thoát toàn triệt như sau:

Tướng quốc lại hỏi:

- Thế nào là bất sanh? Thế nào là bất diệt? Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:

- Thấy cảnh tâm không động gọi là **bất sanh**! Hễ bất sanh thì bất diệt! Mà đã vô sanh diệt, tức không bị tinh thần trói buộc, **ngay đó mà giải thoát**. Bất sanh gọi là **vô niệm**, mà **vô niệm** tức **vô diệt**, **vô niệm** tức **không trói buộc**, vô niệm tức **giải thoát** vậy! Nói chung thức tâm tức ly niệm, **kiến tánh tức giải thoát**. Ngoài thức tâm, kiến tánh ra mà có pháp môn chứng vô thượng giải thoát nào khác, thì là chuyện chưa từng có vậy! (*Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 12).

Trang 217
(Tiểu truyện tăng thống Khánh Hỷ)

Nguyên văn:

"Tịch vân: "**Ly khước bách xích can đầu phóng bộ hành nhất** (離却百尺竿頭放步行一) nhữ tác ma sanh đạo?", sư yết lưỡng thủ vân: "Bất hiểm! Bất hiểm!".

Bản NĐT dịch: *Bản Tịch nói*: *"**Chống thuyền rời bến một trăm thước. Rồi buông sào đi bộ**, thì ngươi nói sao?". Sư giơ cả hai tay lên đáp: "**Chẳng hiểu! Chẳng hiểu!**"*.

Dịch nhầm lẫn như trên là do người dịch không đọc kỹ thành ngữ **bách xích can đầu tấn nhất bộ** (百尺竿頭進一步) trong trước tác thiền lâm, có nghĩa là: *"**Trên đầu sào trăm thước còn bước thêm một bước**"* để chỉ sự buông bỏ hoàn toàn không vướng vào bất cứ sở đắc nào dù cao siêu đến đâu. Người hành đạo lúc đầu từ bỏ cái bất thiện đi tìm cái thiện, từ bỏ vọng động đi tìm thanh tịnh, từ bỏ chư tướng đi tìm thể tánh... nhưng cho dù năng sở đã tận thì cũng đừng trụ ở chỗ tận ấy mà phải nhảy thêm một bước nữa thì mới thật là giác ngộ hoàn toàn. Đây là công án Thiền tông trong *Cảnh Đức truyền đăng lục* (tắc 46 Vô Môn Quan, Đại 48-296):

Hòa thượng Thạch Sương nói:

- Trên đầu sào trăm thước làm sao bước thêm một bước?

Ngài Trường Sa Cảnh Sầm cũng nói:

- Người ngồi lỳ trên đầu sào trăm thước, tuy là ngộ đấy, nhưng không phải chân ngộ. **Trên đầu sào trăm thước nên bước thêm một bước nữa thì thập phương thế giới mới hiện toàn thân**.

Ý nói đầu sào trăm thước tuy cao, nhưng nếu vui dạ ngồi vững không chịu xuống, thì trí tuệ biến thành tội chướng, coi như không phải chân ngộ, nên phải bước thêm một bước nữa để xuống các nẻo (chư thú). Chư thú hiện toàn thân ở thập phương thế giới để nhiếp hóa vạn cơ. Cho nên thiền sư Vô Môn Huệ Khai bình luận: *"Bước một bước rơi lộn được thân thì còn lo nơi nào chẳng xưng tụng chó! Tuy nhiên dẫu là như thế, nhưng hãy nói thử coi, **trên đầu sào trăm thước thì còn bước chỗ nào được nữa?**"*.

Và chính ở câu hỏi hóc búa của thầy: *"Trên đầu sào trăm thước còn bước thêm một bước, ông nói sao đây?"*, sư Khánh Hỷ mới đáp lại một cách tự tin, dũng mãnh: *"**Không có gì nguy hiểm! Không có gì nguy hiểm!**"*. *ĐNTUTĐTL* khắc: ***"Bất kiệm! Bất kiệm!"*** (不儉不儉), nghĩa là *"Không dè xẻn chi"* cũng hàm nghĩa *"Chẳng hề chi, không can chi"*. Bản NĐT do dịch sai lạ lẫm câu hỏi của Bản Tịch, nên cũng dịch sai luôn câu trả lời của Khánh Hỷ là *"**Không hiểu! Không hiểu!**"*.

Vậy toàn bộ đoạn đối thoại trên nên dịch là:

Thiền sư Bản Tịch hỏi:

- Rời khỏi đầu sào trăm thước bước thêm một bước thì ông nói sao đây?

Sư Khánh Hỷ giơ cả hai tay lên đáp:

- Không can chi! Không can chi!

Trang 222
(Tiểu truyện thiền sư Pháp Dung)

Nguyên văn:

"Sư hình thần tú dị, từ khí thanh mại, **ư kim văn**, **ngọc kệ**, **mỹ sở bất tán** (於金文, 玉偈靡所不贊)".

Bản NĐT dịch: *"Sư khôi ngô tuấn tú, giọng nói trong trẻo,* ***từng viết nhiều bi văn, kệ, tán, khắc bia đá chuông đồng ở các chùa chiền****"* thì thật là kỳ lạ, vì đây là một câu rất giản dị, chỉ có nghĩa là: *"Sư khôi ngô tuấn tú, tiếng nói trong trẻo,* ***đối với văn vàng, kệ ngọc*** *(ám chỉ thơ văn kệ tụng của nhà Phật* ***có giá trị như vàng ngọc****) không bài nào sư không nghiên đọc thưởng thức"*, chứ không hề có những chi tiết kỳ lạ mà Bản NĐT thêm vào.

Trang 222
(Tiểu truyện thiền sư Pháp Dung)

Nguyên văn:

"Hỷ mục nhi kỳ chi, thụ dĩ pháp ấn. **Tự thị phóng hoài sơn thủy**, **bất ngại sở chi hóa đạo**. Thời chí nãi trác tích ư Thứu Phong sơn, Khai Giác tự thụ đồ, học giả mãn thất".

Bản NĐT dịch: *"Tăng Thống [Khánh Hỷ] thấy sư là người xuất chúng bèn truyền cho pháp ấn.* ***Từ đó sư được tùy ý đi hóa đạo các nơi****.* ***Sư trụ*** *ở chùa Khai Giác trên núi Thừa Phong, môn đồ các nơi đến học đạo rất đông".*

Thật ra câu *"****Tự thị phóng hoài sơn thủy, bất ngại sở chi hóa đạo****"* có nghĩa là: *"****Từ đó sư tùy duyên du phương sơn thủy, không câu nệ đâu mới là chỗ hóa đạo****"* (Ý nói sư tùy duyên đi đây đó truyền đạo không câu nệ phải ở tự viện nhất định nào đó). Do đó đoạn tiếp theo mới nói: *"****Nhưng khi thời thế đã đến, sư bèn trụ lại*** *chùa Khai Giác trên ngọn Thứu Phong* (mà bản dịch NĐT in là Thừa Phong, có lẽ do lỗi morasse) ***thu nhận học trò****, người theo học thật đông".* Chi tiết *"khi thời thế đến"* rất quan trọng trong đoạn văn này, tiếc thay Bản NĐT đã bỏ sót!

Trang 223
(Tiểu truyện thiền sư Trí Thiền)

Nguyên văn:

"Niên nhị thập thất, nhật tùng huynh dẫn chí Giới Không **pháp tịch** (法席) văn giảng Kim cương kinh...".

Bản NĐT dịch: *"Năm 27 tuổi theo anh tới* ***pháp tịch***(3) *của thiền sư Giới Không nghe giảng kinh Kim cương"*. Và chú: (3) Pháp tịch: **chiếu pháp** (nơi nhà sư ngồi để thuyết pháp).

Chú như vậy chứng tỏ người dịch chưa nắm vững nghĩa chữ **tịch** (席) ngay trong đời thường chứ chưa nói đến nghĩa của nó trong thuật ngữ Thiền. Tuy chữ **tịch** (席) có nguyên nghĩa là **chiếc chiếu**, nhưng do ngày xưa khi người ta hội họp bàn bạc công việc hay ăn uống tiệc tùng đều trải chiếu ngồi trên đó nên chữ **tịch** đã biến nghĩa dần thành **nơi hội họp**, như chỉ người đứng đầu cuộc họp đó thì gọi là **chủ tịch** (主席), hoặc thành chốn tiệc tùng như chỉ việc tổ chức tiệc tùng thì gọi là **thiết tịch** (設席).

Về thuật ngữ thiền, chú giải như vậy là sai cả nghĩa lẫn sự. Về nghĩa, chữ **tịch** trong từ **pháp tịch** không có nghĩa là chiếc chiếu và pháp tịch chỉ một nơi mà người tu học tụ tập lại để tham thiền học đạo, hoặc nơi mà thiền sư thu nhận học trò để giảng đạo. Vì nơi này chuyên giảng **đạo pháp** nên gọi là **pháp**

tịch. Vậy chữ **pháp tịch** này cũng còn gọi là **thiền tịch** (禪席), **tịch hạ** (席下) có nghĩa tương đương với các từ **đạo tràng**, **hội thượng**, **hội hạ**, **hội trung**, cụ thể là chỉ ngôi chùa mà thiền sư trụ trì thu nhận học trò để giảng đạo pháp.

Về sự thì tập quán Thiền tông không có chuyện thiền sư **khi thuyết pháp ngồi trên chiếu**! Theo tập quán thiền, khi thuyết pháp, thiền sư thăng đường ngồi giảng trên pháp tòa, các môn sinh đứng hai bên tả hữu phía dưới nghe, còn khi tham thiền, thì chỉ ngồi trên **tấm bồ đoàn** (蒲團) hay **tọa cụ** (坐具). Khi nghỉ ngơi các học nhân nằm trên **trường liên sàng** (長連床) ở tăng đường, còn sư trụ trì thì nằm trên chiếc **khúc lục sàng** (曲彔床), tương tự như chiếc ghế xích đu bằng mây ngày nay ở phương trượng, hoặc **thằng sàng** (繩床) tức giường dây.

Để chứng minh chữ **pháp tịch** và **thiền tịch** có nghĩa là **đạo tràng** chúng tôi xin trích dẫn một số ngữ lục trong các trước tác thiền lâm sau đây:

- "Văn Tào Khê **pháp tịch** nãi vãng tham lễ", nghĩa là: *"Thiền sư (Hành Tư) nghe tiếng **đạo tràng** Tào Khê, bèn đến tham vấn đạo pháp"* (*Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 5).

- "Tùng thử chi hậu, học thiền để nhân trục tiệm tựu tập tại Pháp Thường **tịch hạ**, Pháp Thường đạo pháp cánh gia hưng thịnh liễu", nghĩa là: *"Từ đó về sau, kẻ học thiền dần dần tụ tập tại **đạo tràng** của thiền sư Pháp Thường, đạo pháp của Pháp Thường càng thêm hưng thịnh"*.

- "Hậu văn Nam phương **thiền tịch** phả thạnh, sư khí bất bình nãi viết: 'Xuất gia nhi, thiên kiếp học Phật uy nghi, vạn kiếp học Phật tế hạnh, bất đắc thành Phật. Nam phương ma tử cảm ngôn trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật". Nghĩa là: Sau khi nghe **đạo tràng** phương Nam khá long thạnh, thiền sư Tuyên Giám nổi cơn bất bình nói: *"Kẻ xuất gia ngàn kiếp học uy nghi của Phật, muôn kiếp học tế hạnh của Phật còn chưa thành được Phật. Bọn ma mị phương Nam dám buông lời 'chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật' à!"* (*Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 7).

Trang 229
(Tiểu truyện thiền sư Chân Không)

Nguyên văn:

Vấn: "Như hà thị khai minh?", sư vân: "Khai minh chiếu triệt Ta Bà giới. Nhất thiết chúng sanh cộng nhất gia". Hựu vấn: "**Tuy nhiên vô biện đích**. **Xứ xứ đắc phùng cừ**. **Nạ cá thị cừ**? (雖然無辯的處處得逢渠那箇是渠)", sư vân:...

Bản NĐT dịch:

"Hỏi:

- Thế nào là khai minh?

Sư đáp:

- Khai minh chiếu khắp cõi sa-bà.

Hết thảy chúng sanh thuộc một nhà.

- **Đệ tử vẫn chưa hiểu rõ**.

- **Nơi nơi đều gặp nó**.

Tăng lại hỏi:

- Nó là cái gì?"

Dịch như vậy là đã tách câu hỏi của ông tăng: *"Tuy nhiên vô biện đích. Xứ xứ đắc phùng cừ. Nạ cá thị cừ?"*, nghĩa là: *"Tuy không biện biệt đích xác, nhưng đâu đâu cũng gặp nó, vậy nó là cái gì?"* thành ra hai phần hỏi đáp của ông tăng và sư Chân Không như sau:

- Đệ tử vẫn chưa hiểu rõ (tăng hỏi).

- Nơi nơi đều gặp nó (sư đáp).

- Nó là cái gì? (tăng hỏi).

Dịch nhầm lẫn như thế một phần là do chấm câu sai, phần khác là do không để ý: *"Tuy nhiên vô biện đích. Xứ xứ đắc phùng cừ. Nạ cá thị cừ?"* là một câu được dùng rất phổ biến trong các công án Thiền tông để **chỉ cái tâm**, **tự kỷ Phật của chúng sanh**.

Vậy toàn đoạn trên nên dịch là:

(Tăng) hỏi:

- Thế nào là khai minh?

Sư đáp:

- Khai minh chiếu rõ khắp Ta Bà, hết thảy chúng sanh cùng một nhà.

(Tăng) lại hỏi:

- Mặc dù không biện biệt đích xác, nhưng đâu đâu cũng gặp nó. Vậy nó là cái gì?

Sư đáp: ...

Về thuật ngữ **xứ xứ đắc phùng cừ** hàm ý chỉ **cái tâm** hoặc **tự kỷ Phật** của chúng sanh này, trước tác Thiền lâm sử dụng rất nhiều, như thiền sư Lương Giới khi qua sông nhìn thấy bóng mình dưới nước đã làm bài kệ sau đây:

Thiết kỵ tùng tha mịch (mích)
Điều điều dữ ngã sơ
Ngã kim độc tự tại
Xứ xứ đắc phùng cừ
Cừ kim chính thị ngã
Ngã kim bất thị cừ
Ứng tu dữ ma hội
Phương thỉ khế như như

(*Động Sơn ngữ lục*)

Nghĩa là: Không nên tìm **nó** nơi người khác. (Vì làm như thế) thì **nó** cùng ta sẽ cách xa vạn dặm. Như ta nay đã thong dong tự tại. **Nên bất cứ nơi đâu**

cũng đều gặp nó. Hôm nay đây **nó** chính là **ta**. Vậy mà **ta** hôm nay lại không phải là **nó**. Phải nên lĩnh hội như thế. Thì mới khế hợp lý **như như**.

Gợi ý: **Cừ** tức **nó** đây là ám chỉ **tự tánh, tự kỷ Phật** của chúng sanh. Ai đã **ngộ** thì bất cứ nơi nào cũng gặp **nó**, chẳng cần tìm đâu cho xa!

Trang 229
(Tiểu truyện thiền sư Chân Không)

Nguyên văn:

Tăng nghĩ nghị, sư hát vân: "Bình nguyên kinh hỏa hậu, thực vật các **thù phương** (殊芳)".

Bản NĐT dịch: *"... Đất bằng qua **binh hỏa**. Cây cối đượm hương thơm"* là đã cường điệu thêm chi tiết **binh hỏa**, tức ngọn lửa do chiến tranh gây ra, trong khi ý tác giả chỉ đơn giản là *"bãi đất sau đám cháy"*, có thể là do người ta đốt đồng chẳng hạn, chứ không nói rõ *"sau cơn binh lửa"*. Chủ ý câu này là thiền sư Chân Không bổ sung thêm cho vị tăng dễ hiểu. Vì ở đoạn trên khi ông tăng thắc mắc hỏi: *"Sắc thân này hư hoại thì sao?"* thì sư đã trả lời: *"Xuân đến xuân đi nhưng xuân đâu có hết. Hoa tàn hoa nở vẫn là xuân"*, hàm ý sắc thân chỉ chuyển hóa từ trạng thái này qua trạng thái nọ, nhưng sắc thân vẫn là sắc thân có hoại biệt bao giờ. Vị tăng vẫn còn phân vân nên sư bồi thêm một ví dụ dễ hiểu hơn là *"bãi đất sau đám cháy một thời gian thì cây cối lại phương phi tươi thắm, chứ đâu có trụi rụi luôn"*. Vì lầm **phương** (芳) là thơm nên Bản NĐT mới dịch hỏng: *"Cây cối **đượm hương thơm**"*.

Vậy chúng tôi xin bổ túc hai câu trên là:

Bãi đất sau đám cháy
Cây cối lại phương phi

Trang 232
(Tiểu truyện thiền sư Đạo Lâm)

Nguyên văn:

Sư Chu Diên Cửu Cao nhân dã, tính Tăng thị, **tảo mộ không tông** (蚤慕空宗), chí hạnh thuần khiết.

Bản NĐT dịch: *"Thiền sư người hương Cửu Cao quận Chu Diên, họ Tăng. Từ nhỏ đã mến chuộng **Không tông**,[(1)] chí khí cao cả, đức hạnh thuần khiết"*, rồi cước chú dưới trang:

*"**Không tông**: Tông phái Phật giáo do luận sư Ấn Độ Long Thọ thành lập vào khoảng thế kỷ 2. Luận sư Long Thọ..."*.

Dịch và chú như thế là rất nhầm lẫn vì tuy một đằng **Không tông** (空宗) quả là tên tông phái Phật giáo do luận sư Long Thọ người Ấn Độ thành lập, nhưng đồng thời **Không tông** (空宗) cũng có nghĩa tương đương với **Không môn** (空門), **Không học** (空學) để chỉ Phật giáo. *Phật Quang đại từ điển* trang 3.477 trung chú: "Hữu xưng Phật giáo vi **Không tông** giả, dĩ Phật giáo chủ trương chư pháp vô ngã chi cố". Nghĩa là: *"Có chuyện gọi Phật giáo là **Không tông** vì Phật giáo chủ trương mọi pháp vô ngã"*.

Các dịch giả quên một điều là **Không tông** do ngài Long Thọ sáng lập gồm nhiều lý luận cao siêu ít người lãnh hội được mà theo nguyên văn thì ngài Đạo Lâm *"**lúc còn nhỏ đã mộ Không tông**"* thì **Không tông** ở đây chắc chắn không phải là **Không luận** (空論) của ngài Long Thọ, mà chỉ có nghĩa là Phật giáo thôi.

Từ **Không tông** chỉ Phật giáo này được xác định thật rõ nét ở quyển 3 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-22 thượng) như sau: "Đệ tam thập nhất Tổ Đạo Tín đại sư giả, tính Tư Mã thị, thế cư Hà Nội. Hậu tỉ ư Kỳ Châu chi Quảng Tế huyện. Sư sinh nhi siêu dị, ấu mộ **Không tông chư giải thoát môn**". Nghĩa là: *"Đại sư Đạo Tín, Tổ thứ 31 Thiền tông Ấn Độ (tức tổ thứ 4 Thiền tông Trung Hoa) họ Tư Mã, gia tộc nhiều đời sống ở Hà Nội, sau dời về huyện Quảng Tế ở Kỳ Châu. Sư sanh ra siêu dị, lúc còn nhỏ đã hâm mộ **pháp môn giải thoát của Phật giáo**"*.

Trang 236
(Tiểu truyện thiền sư Viên Học)

Nguyên văn:

"Lục thức thường hôn chung dạ khổ
Vô minh bị phúc cửu mê dung
Trú dạ văn chung khai giác ngộ
Lãn thần **tịnh sát** (淨刹) đắc thần thông"

(Hòa thượng Thanh Từ không nói rõ bản nào nhưng cho biết có một bản câu chót được viết là *"Lãn thần tịnh khước đắc thần thông"*).

Bản NĐT trích bài của hòa thượng Thanh Từ trong sách *Thiền sư Việt Nam*:

Sáu thức tối tăm khổ đêm dài
Vô minh che đậy mãi mê say
Sớm tối nghe chuông lòng tỉnh giấc
***Thần lười dứt sạch** được thần thông*

Qua câu cuối bài thơ dịch này chúng ta thấy hòa thượng Thanh Từ đã đọc nhầm chữ **sát** (刹) trong bài nghĩa là **chùa** với chữ **sát** (殺) là **giết** nên mới dịch **tịnh sát** là **dứt sạch** (cả hai bản *TUTA* và *ĐNTUTĐTL* đều khắc chữ 刹 là chùa chứ không phải 殺 là giết). Còn **lãn thần** hòa thượng dịch là **thần lười** có lẽ ám chỉ ông thần lười biếng. Như vậy **lãn thần tịnh sát** có nghĩa là **dứt (giết) sạch ông thần lười biếng** thì sẽ đạt được thần thông!

Theo chúng tôi hiểu thì **tịnh sát** (淨刹) trong bài thơ này có nghĩa là **cảnh chùa thanh tịnh**, còn **lãn thần** (懶神) không phải **ông thần lười** mà là **thần thái thanh thản vô sự** của một **nhàn đạo nhân** (閒道人) không còn bận bịu trong việc dụng công khử trừ vọng niệm hay tầm cầu chân tánh, như thiền sư Huyền Giác đã mô tả bậc tuyệt học vô vi trong *Chứng đạo ca*. Thông thường thì hành giả phải nỗ lực tu tập thiền định cho đến tứ thiền hữu sắc mới bắt đầu luyện thần thông. Còn đối với một thiền sư đã triệt ngộ thì chẳng cần bận tâm với những sở đắc thần thông đó, vì đâu chẳng là thần thông, đâu chẳng là diệu dụng.

Vậy câu thơ này có nghĩa là: *"Thần thái an nhiên vô sự trong cảnh chùa thanh tịnh chính là đạt được thần thông rồi đó"*.

Trang 240
(Tiểu truyện quốc sư Viên Thông)

Nguyên văn:

"Sư ư thị ứng cơ diễn giáo, dẫn chỉ giác nhân, giải hoặc biếm ngu, **quyết vô lưu nhận**. Thụ nghiệp ư kỳ minh giả, giai hiển danh đương thế".

Bản NĐT dịch: *"Từ đó sư tùy cơ giảng hóa tiếp dẫn, phàm người thế tục đến tham vấn đều được sư giải mê giác ngộ. Những người thụ nghiệp với sư về sau đều trở thành nổi tiếng đương thời"*.

Dịch như vậy thoát quá thành lệch xa ý chính nguyên văn, mà lại bỏ sót một chi tiết quan trọng là **quyết vô lưu nhận** (決無留刃), nguyên có nghĩa là **gươm thật bén chặt đứt lìa vật mà không lưu lại vết chém**, thường được dùng trong trước tác Thiền lâm để chỉ thiền sư khải thị học nhân một cách sắc sảo quyết liệt, giúp họ triệt ngộ.

Vậy đoạn trên nên dịch là: *"Từ đó sư tùy cơ diễn giáo, **đem yếu chỉ thiền để giác ngộ người, trừ mê hoặc, trị ngu si một cách quyết liệt triệt để như gươm bén chặt lìa không để lại dấu vết**. Những người thụ nghiệp với sư về sau đều trở thành nổi tiếng đương thời"*.

Trang 241
(Tiểu truyện quốc sư Viên Thông)

Nguyên văn:

"Thiên Chương Gia Thụy ngũ niên, cung xa án giá. Sư dự thụ cố mệnh. Cập phụng di chiếu, **chủ mạc du** (主莫猷), phó thác đẳng sự. Thiệu Minh nguyên niên, Anh Tông ký tức vị, Thái hậu xưng chế, dĩ sư hữu hiệp nhật chi công, lũ gia hậu tứ".

Bản NĐT dịch: *"Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 5 (1137) vua Lý Thần Tông băng hà, **vâng theo di chiếu**, sư được dự hàng cố mệnh đại thần, **được ủy thác các việc triều chính**. Năm Thiệu Minh thứ 1 (1138) vua Lý Anh Tông lên ngôi khi còn nhỏ tuổi, Thái hậu nhiếp chính, xét sư là người có công tôn lập hoàng thái tử nên nhiều lần ban thưởng trọng hậu"*.

Dịch như vậy là xáo trộn thứ tự các sự việc liên quan đến bản thân thiền sư Viên Thông mà nguyên văn vốn viết rất cẩn thận, lớp lang. Theo nguyên văn thì vào niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự, lúc vua Lý Thần Tông sắp băng hà thì quốc sư Viên Thông được dự vào thành phần các cố mệnh đại thần, nghĩa là thành phần các **trọng thần được vời đến bên giường vua để nghe vua dặn dò phụng lập tân vương nối ngôi lúc vua sắp băng hà**. **Sau đó đến lúc vua băng, phụng chỉ theo di chiếu để lập tân quân thì sư đã chủ trì việc tính toán**, **sắp xếp để thi hành di chiếu phó thác hoàng thái tử của tiên vương** (Theo sử liệu thì việc này gặp khó khăn phải giằng co mười ngày mới xong, mà phần sư thì đã đóng góp công lớn). Sau đó, khi hoàng thái tử đã tức vị tức vào niên hiệu Thiệu Minh thứ 1, vì ngài còn nhỏ nên Thái hậu

phải nhiếp chính và vì xét sư có công lớn trong việc **định lập khó khăn trong mười ngày**, nên càng ban thưởng trọng hậu nhiều lần.

Vậy *"chủ mạc du, phó thác đẳng sự"* mà dịch là: *"được ủy thác các việc triều chính"* thì quá đơn sơ mà cũng không đúng ý nguyên văn nữa. Nếu chúng tôi đoán không lầm thì sở dĩ Bản NĐT dịch sơ qua như vậy là do các dịch giả bị **bản in khắc nhầm** làm lúng túng. Ở *TUTA* bản Vĩnh Thịnh 1715 và *ĐNTUTĐTL* của hòa thượng Phúc Điền 1879 do Đại học Vạn Hạnh sao chép lại năm 1967 thì ba chữ **chủ mạc du** (主莫猷) đều bị **khắc sai** là **vương mạc hiến** (王莫獻). Trong từ **mạc du** (莫猷), **mạc** (莫) có nghĩa là **tính toán**; **du** (猷) có nghĩa là **mưu tính**, **sắp xếp**. Vậy *"chủ mạc du, phó thác đẳng sự"* là *"đứng đầu (chủ trì) công việc tính toán, sắp xếp thi hành điều phó thác của tiên vương"*. Bản khắc in sai thành **vương mạc hiến** (王莫獻) thì không có nghĩa gì thích hợp với ngữ cảnh đoạn văn trên. Đúng như Nguyễn Lang đã nói, nguyên văn *TUTA* bản Vĩnh Thịnh 1715 có rất nhiều sai sót, nếu dịch giả nào không linh hoạt thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi biên dịch vậy! Chúng tôi có duyên may được nghiên đọc bản khắc cổ các áng văn thiền của Việt Nam ta như *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*, *Thánh đăng lục*, *Tam Tổ thực lục*, *Khóa hư lục*, *Kiến tánh thành Phật* v.v... thì chưa thấy bản nào mà mức độ khắc lại sai sót quá nhiều và trầm trọng như *TUTA*. May mà các nhà nghiên cứu đã dày công kiểu chính lại một số chỗ giúp cho hàng hậu học tránh được quá nhiều lầm lẫn.

Về chuyện kiểu chính chỗ khắc in sai của *TUTA* thì công của thượng tọa Trí Siêu là lớn nhất vì ngài đã rà soát lại, đối chiếu nguyên văn cả hai bản *TUTA* và *ĐNTUTĐTL* rồi nêu ra hơn 300 điểm khắc in nhầm trong tác phẩm *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh"* của mình.

Trang 241
(Tiểu truyện quốc sư Viên Thông)

Nguyên văn:

"Tầm tức bổn quận sáng tự chung lão diên. Tam **tài** chi phí, giai nội nô tê cấp, thả tứ **thần lâm dĩ bí chi** (三材之費皆内帑賚給且賜宸翰以賁之)".

Bản NĐT dịch: *"Sau sư trở về bản quận dựng chùa Quốc An, trụ trì tại đó cho đến cuối đời. **Triều đình lại cho ba thôn sở tại được miễn tô thuế, lấy đó chu cấp phí dụng cho chùa** để tỏ ý khen thưởng"*.

Dịch như vậy là phỏng đoán lướt qua chứ không để ý đến hai chỗ khắc in nhầm trong nguyên văn. Thứ nhất, chữ **tam tài** (三材) là ba thứ vật liệu chánh để xây cất nhà chùa là gỗ (danh mộc), ngói lưu ly và gạch thức bị khắc nhầm là **tam thôn** (三村). Chữ **thần lâm** (宸翰) là **bút tích của vua** bị khắc nhầm là **thần thâu** (宸輸). Do chỉ đọc theo chỗ khắc nhầm là **tam thôn** (三村) nên người dịch đoán chừng là triều đình cho ba thôn sở tại được miễn tô thuế lấy đó chu cấp phí dụng cho chùa mà không để ý mạch văn đoạn trên tác giả chỉ muốn nói về những vấn đề liên quan đến việc xây cất chùa của sư tại bổn quận: *"Sau sư trở về bản quận dựng chùa Quốc Ân để làm nơi trụ trì cuối đời. Ba thứ vật liệu xây dựng chùa (như đã nói trên) đều được **chở đến cung cấp từ kho vua. Lại ban cho bút tích của vua viết trên biển hiệu chùa để làm cho***

ngôi chùa thêm phần rạng rỡ". Tiếc thay các chi tiết **nội nô tê cấp** (内帑賚給) tức *"**kho vua chở đến cung cấp**"* và **tứ thần lâm dĩ bí chi** (賜宸翰以賁之) nghĩa là *"**ban cho bút tích của vua để chùa thêm rạng rỡ**"* đã không được Bản NĐT **diễn dịch ra**. Trong khi chi tiết *"miễn tô thuế **để tỏ ý khen thưởng**"* (thường được viết là **quyên hộ** 蠲戶) không có trong nguyên văn thì lại được dịch giả thêm vào.

Vậy toàn bộ đoạn trên nên dịch như sau: *"Về sau, sư trở về bản quận dựng chùa Quốc Ân để làm nơi trụ trì cuối đời. Ba thứ vật liệu chính để xây dựng chùa đều được vua xuất ở kho trong cung chở đến cung cấp. Vua lại ân tứ ban cho bút tích của **ngài** viết trên biển hiệu để ngôi chùa thêm rạng rỡ"*.

Trang 243
(Tiểu truyện thiền sư Y Sơn)

Nguyên văn:

"Đồng học chi niên, phả thiệp thư sử. Kỳ trạch giao du, **nghệ** (藝) tất tận sở ích, nhi ư **trúc điển** (竹典), vưu gia ý diên".

Bản NĐT dịch: *"Từ nhỏ đã học thông sử sách, chọn bạn giao du để học hỏi tiến ích, đối với kinh điển Phật giáo lại càng chú ý nghiên cứu"*.

Dịch như vậy chỉ là dịch thoáng, chưa lột tả được dụng ý tác giả, bởi có lẽ người dịch không để ý nghĩa của chữ **nghệ** (藝) trong đoạn này là **văn nghệ**, **loại văn khoa cử chế nghệ** hay **loại văn bát cổ** dùng tong các kỳ thi mà **Nho sinh** luôn trau giồi, hàm ý chỉ **Nho giáo**, đối lại với **trúc điển** (竹典) là **kinh điển Phật giáo**.

Toàn bộ đoạn này muốn nói: *"Ngay từ nhỏ Y Sơn đã làu thông kinh sử, chọn bạn giao du thì về **văn chương khoa cử chế nghệ của Nho gia** tất hỏi han đạt đến chỗ vi diệu, **nhưng đối với kinh điển Phật giáo** cũng hết sức lưu tâm"*. Có hiểu như vậy mới truyền đạt được hàm ý *"**văn chương đạo đời đều học hỏi quán thông**"* trong giao du mà tác giả muốn đề cao sư Y Sơn.

L V D

TÓM TẮT

Bài viết nêu lên các sai sót và góp ý chỉnh sửa các sai sót ấy trong cuốn *Thiền uyển tập anh* (Anh tú vườn Thiền) do Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, Nxb Văn học ấn hành năm 1990. Các sai sót này, đáng tiếc đã không được các dịch giả chỉnh sửa hết trong những lần tài bản sau này.

ABSTRACT

SOME SUGGESTIONS FOR THE TRANSLATION OF *"THIỀN UYỂN TẬP ANH"* BY MR. NGÔ ĐỨC THỌ AND MS. NGUYỄN THÚY NGA

The article refers to the errors in *Thiền uyển tập anh* (Collection of Outstanding Figures in Zen Garden) translated and annotated by Ngô Đức Thọ and Nguyễn Thúy Nga, published by Literature Publishing House in 1990; simultaneously, it offers some suggestions on correcting these errors which, unfortunately, have not been corrected thoroughly in subsequent reprints.